

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống theo triều, khu vực nội đồng mức nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống chậm; mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 14/9 ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 60-105cm, xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 15-45cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mức nước xuống nhanh theo triều, mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 14/9 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 45-90cm, xấp xỉ và cao hơn từ 10-40cm so với cùng kỳ TBNN.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các kênh, rạch lên chậm; mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 14/9 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 10-80cm, xấp xỉ và cao hơn từ 05-30cm so với TBNN. Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, mức nước cao nhất và thấp nhất cao hơn từ 155-165cm so với cùng kỳ năm 2024, cao hơn cùng kỳ TBNN khoảng 20cm.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, lên nhanh theo triều biển Tây, mức nước cao nhất ngày 14/9 ở mức xấp xỉ cùng kỳ năm 2024 và TBNN.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước cao nhất và thấp nhất trên các sông, kênh có xu thế xuống dần trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống nhanh theo triều.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch tiếp tục lên dần trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Trên sông Cái Lớn - Cái Bé, dao động theo triều biển Tây với xu thế lên chậm.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn, triều cường, nước dâng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 16/09/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 14/09						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			15/9	16/9	17/9	18/9	19/9	15/9	16/9	17/9	18/9	19/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	285	106	-44	317	87	-28	303	293	287	281	277	282	278	273	267	260
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	188	93	-3	256	66	25	244	235	227	221	217	184	180	174	168	161
Hậu	Khánh An	420	470	520	420	91	17	425	90	21	424	421	416	411	406	421	417	412	407	401
	Châu Đốc	300	350	400	245	89	-35	283	63	-17	268	258	252	246	242	242	238	233	227	220
	Long Xuyên	190	220	250	141	81	23	228	45	38	215	205	197	191	187	135	129	121	113	103
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	200	90	-13	257	61	9	242	233	225	219	215	197	193	189	183	175
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	274	154	19	287	165	19	293	297	299	299	297	286	291	294	296	295
	Vinh Gia	200	240	280	122	67	-10	124	64	-24	127	130	132	134	136	123	126	128	130	133
	Vinh Điều	170	200	230	105	59	29	109	50	18	111	113	115	117	118	107	109	111	113	115
T3	Vinh Phú	150	180	210	101	45	23	104	41	18	105	106	108	110	112	102	103	104	106	108
T5	Nông Trường	160	190	220	107	46	22	110	42	16	110	111	112	114	116	107	107	108	110	112
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	152	57	-22	155	49	-24	158	161	164	166	168	155	158	161	163	165
	Cô Tô	140	180	220	140	43	7	143	38	7	145	147	148	149	149	142	144	145	146	146
	Nam Thái Sơn	90	120	150	93	28	-	94	19	-	96	97	98	100	102	93	94	95	97	99
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	113	51	-21	115	50	-29	117	119	121	124	127	115	117	120	122	124
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	155	50	16	158	40	19	160	162	162	161	161	157	159	160	160	159
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	205	83	15	217	62	15	219	221	223	224	225	208	211	213	215	216
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	145	61	4	155	40	6	157	159	159	158	158	147	149	150	150	149
	Tân Thành	120	150	180	116	43	29	124	34	28	125	126	127	128	128	118	120	121	122	122
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	96	36	30	98	26	24	99	100	101	102	102	97	98	99	100	100
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-1	9	6	60	13	8	61	63	62	59	56	-4	-1	2	4	3
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-21	3	2	64	-3	8	69	73	74	72	68	-26	-32	-34	-31	-27

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





